

Số 934/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)**  
**Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Tuyên Quang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 246/TTr-SNV ngày 30/7/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Tuyên Quang đã được Đại hội đại biểu Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Tuyên Quang lần thứ II, nhiệm kỳ 2019-2024 thông qua ngày 12/6/2019.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Tuyên Quang; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 2 (thực hiện);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Hội hữu nghị Việt - Lào tỉnh TQ ;
- Hội Hữu nghị Việt - Pháp tỉnh TQ;
- Hội Hữu nghị Việt - Thái Lan tỉnh TQ;
- TP Nội chính;
- Lưu: VT, NC (Thg), TH (Phượng).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Thục**

**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)  
LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Kèm theo Quyết định số 934 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Tên gọi**

Tên gọi: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Tuyên Quang.

Được viết tắt là: Liên hiệp hữu nghị.

Tên tiếng Anh: The Tuyenquang Union of Friendship Organizations.

Được viết tắt là: Tuyenquang UFO.

**Điều 2. Tôn chỉ, mục đích**

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Liên hiệp hữu nghị) là tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách về đối ngoại nhân dân trong các lĩnh vực hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác nhân dân, có vai trò làm đầu mối phối hợp trong một số hoạt động đối ngoại nhân dân và công tác phi chính phủ nước ngoài.

**Điều 3. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động**

1. Liên hiệp hữu nghị hoạt động trên phạm vi tỉnh Tuyên Quang, trong lĩnh vực đối ngoại nhân dân.

2. Liên hiệp hữu nghị hoạt động dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, chịu sự quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động của Sở Ngoại vụ và các sở, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật; là thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

**Điều 4. Địa vị pháp lý, trụ sở**

1. Liên hiệp hữu nghị có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cơ quan Thường trực của Liên hiệp hữu nghị đặt tại trụ sở Sở Ngoại vụ tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động**

1. Liên hiệp hữu nghị được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, không vì mục đích lợi nhuận và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Liên hiệp hữu nghị.

2. Liên hiệp hữu nghị được Nhà nước giao số lượng người làm việc, cấp kinh phí, trụ sở làm việc, cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động, được chọn biểu tượng theo quy định của pháp luật.

## **Chương II** **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

### **Điều 6. Nhiệm vụ**

Liên hiệp hữu nghị có các nhiệm vụ sau:

1. Tiến hành các hoạt động nhằm:

a) Tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, củng cố và phát triển quan hệ đoàn kết và hữu nghị, cổ vũ và hỗ trợ sự hợp tác về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật và các lĩnh vực khác giữa nhân dân tỉnh Tuyên Quang với nhân dân các nước;

b) Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân tỉnh Tuyên Quang nói riêng; đoàn kết kiều bào Tuyên Quang và những người có cảm tình với Tuyên Quang hướng về xây dựng quê hương;

c) Ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước, góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội.

2. Là đầu mối cho công tác phát triển quan hệ, vận động và điều phối viện trợ đối với bên tài trợ là các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị, các tổ chức phi chính phủ và cá nhân nước ngoài nhằm góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và cứu trợ nhân đạo; phối hợp triển khai và sử dụng các nguồn viện trợ phi chính phủ.

3. Phổ biến kiến thức đối ngoại cho các hội thành viên, hướng dẫn các hội thành viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp hữu nghị theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện các hội thành viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp hữu nghị theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Liên hiệp hữu nghị theo đúng quy định của pháp luật.

6. Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước có đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển công tác hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đề xuất các biện pháp chấn chỉnh, xử lý đối với các các tổ chức thành viên có hoạt động sai trái, vi phạm pháp luật Việt Nam.

7. Phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Liên hiệp hữu nghị, các hội thành viên theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam giao.

## **Điều 7. Quyền hạn**

Liên hiệp hữu nghị Tuyên Quang có quyền hạn:

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Liên hiệp hữu nghị đã được phê duyệt. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên hiệp hữu nghị.
2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các Hội thành viên phù hợp với mục đích, tôn chỉ của Liên hiệp hữu nghị.
3. Thiết lập các mối quan hệ hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với các tổ chức tương ứng, các tổ chức phi chính phủ, cá nhân nước ngoài; được tham gia đề xuất các đoàn ra nước ngoài và đón các đoàn nước ngoài vào tỉnh Tuyên Quang theo quy định hiện hành của Nhà nước.
4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Liên hiệp hữu nghị.
5. Tham gia ý kiến trong việc xây dựng các chủ trương, nghị quyết, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác đối ngoại nhân dân và được cung cấp thông tin theo quy định; kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển của Liên hiệp hữu nghị và lĩnh vực Liên hiệp hữu nghị hoạt động. Được tổ chức các hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật.
6. Kiến nghị, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thành lập hoặc giải thể các Hội thành viên (nếu có).
7. Thành lập pháp nhân thuộc Liên hiệp hữu nghị theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Liên hiệp hữu nghị trên cơ sở các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật để trang trải kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ Nhà nước giao.

## **Chương III TỔ CHỨC THÀNH VIÊN**

### **Điều 8. Tổ chức thành viên**

1. Thành viên của Liên hiệp hữu nghị gồm có:
  - a) Các Hội hữu nghị song phương, đa phương của tỉnh;
  - b) Các tổ chức hoạt động có mục tiêu vì hòa bình, đoàn kết, hữu nghị của tỉnh Tuyên Quang với các nước;
  - c) Các đơn vị trực thuộc Liên hiệp hữu nghị theo quy định.
2. Các tổ chức trên được thành lập theo quy định hiện hành của Nhà nước, được tổ chức và hoạt động phù hợp với Điều lệ của Liên hiệp hữu nghị tỉnh và Điều lệ của tổ chức thành viên.

## **Điều 9. Nghĩa vụ của tổ chức thành viên**

1. Tuân thủ pháp luật; chịu sự quản lý, kiểm tra, hướng dẫn của các cơ quan chức năng; chấp hành Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Liên hiệp hữu nghị tỉnh.

2. Chủ động tổ chức các hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị trong lĩnh vực đối ngoại nhân dân phù hợp với Điều lệ, tôn chỉ, mục đích của Liên hiệp hữu nghị và tổ chức thành viên. Triển khai thực hiện các kế hoạch công tác, chương trình hoạt động và hưởng ứng, tham gia các hoạt động do Liên hiệp hữu nghị tỉnh tổ chức.

3. Phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong tổ chức hoạt động của các tổ chức thành viên của Liên hiệp hữu nghị tỉnh và các đối tác của mình; giữ gìn, bảo vệ sự đoàn kết và uy tín của Liên hiệp hữu nghị tỉnh.

4. Tuyên truyền, giới thiệu để phát triển hội viên mới. Báo cáo việc thành lập, giải thể các chi hội, câu lạc bộ, các đơn vị trực thuộc; việc thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Hội và tổ chức thành viên với các cơ quan chức năng theo quy định và với Liên hiệp hữu nghị.

5. Tham gia đóng góp ý kiến đối với các vấn đề của Liên hiệp hữu nghị: Kế hoạch, chương trình hoạt động và các biện pháp tổ chức thực hiện, các vấn đề nhân sự của Liên hiệp hữu nghị để xây dựng Liên hiệp hữu nghị ngày càng phát triển vững mạnh.

## **Điều 10. Quyền hạn của tổ chức thành viên**

1. Được trao đổi thông tin về tình hình hoạt động mọi mặt của Liên hiệp hữu nghị; tham gia xây dựng, thảo luận và thông qua phương hướng, chương trình, kế hoạch hoạt động của Liên hiệp hữu nghị; thảo luận, đóng góp ý kiến đối với Ban lãnh đạo Liên hiệp hữu nghị trong công tác điều hành và tổ chức hoạt động.

2. Được cử đại diện tham gia ứng cử, đề cử và được tham gia bầu cử Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị.

3. Được Liên hiệp hữu nghị hỗ trợ trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng; bồi dưỡng nâng cao kiến thức về pháp luật, các vấn đề liên quan đến lĩnh vực, phạm vi hoạt động của Hội và các tổ chức thành viên.

4. Được tham quan, học hỏi kinh nghiệm ở trong và ngoài nước, tham gia các hoạt động do Liên hiệp hữu nghị tổ chức theo quy định.

5. Được khen thưởng theo quy định của Liên hiệp hữu nghị.

## **Điều 11. Gia nhập thành viên Liên hiệp hữu nghị, thôi là thành viên Liên hiệp hữu nghị**

### **1. Gia nhập thành viên**

Các tổ chức quy định tại Điều 8 Điều lệ này muốn trở thành thành viên của Liên hiệp hữu nghị phải có đơn xin gia nhập Liên hiệp hữu nghị và phải được Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị xem xét, chấp thuận.

### **2. Thôi là thành viên của Liên hiệp hữu nghị**

a) Tư cách thành viên sẽ bị chấm dứt khi tổ chức thành viên tự giải thể hoặc bị giải thể kể từ ngày có quyết định giải thể của cơ quan có thẩm quyền.

b) Khi muốn ra khỏi Liên hiệp hữu nghị, các thành viên phải làm đơn báo cáo rõ lý do và được Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị xem xét, chấp thuận theo quy định.

c) Thành viên hoạt động trái với Điều lệ và Nghị quyết của Liên hiệp hữu nghị, làm ảnh hưởng đến uy tín của Liên hiệp hữu nghị hoặc không tham gia hoạt động Liên hiệp hữu nghị trong 02 năm liên tục, Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị xem xét và quyết định khai trừ khỏi Liên hiệp hữu nghị, xóa tên trong danh sách thành viên.

### **Điều 12. Trách nhiệm và mối quan hệ giữa các tổ chức thành viên với Liên hiệp hữu nghị**

1. Thực hiện chế độ báo cáo kết quả hoạt động, chương trình công tác định kỳ theo quy định với Liên hiệp hữu nghị và chịu sự hướng dẫn của Liên hiệp hữu nghị về các nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động.

2. Chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động đối ngoại nhân dân thuộc phạm vi hoạt động của tổ chức mình, thống nhất với chương trình hoạt động của Liên hiệp hữu nghị.

3. Tổ chức thực hiện và thanh quyết toán kinh phí do tỉnh hỗ trợ đối với các hoạt động gắn với nhiệm vụ tình giao theo quy định, thông qua Liên hiệp Hữu nghị.

4. Các kiến nghị, đề xuất của tổ chức thành viên với Liên hiệp hữu nghị có giá trị khi được trên 1/2 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành của tổ chức thành viên thông qua.

## **Chương IV CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY**

### **Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Liên hiệp hữu nghị**

1. Cơ quan lãnh đạo của Liên hiệp hữu nghị được bầu thông qua hiệp thương dân chủ, bầu cử theo đa số; các nghị quyết của Liên hiệp hữu nghị được thông qua theo đa số. Cơ cấu của Liên hiệp hữu nghị gồm có:

- a) Đại hội đại biểu Liên hiệp hữu nghị.
- b) Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị.
- c) Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị.
- d) Ban Kiểm tra.
- đ) Cơ quan Thường trực.
- e) Các tổ chức thành viên thuộc Liên hiệp hữu nghị.

### **Điều 14. Đại hội đại biểu Liên hiệp hữu nghị**

1. Đại hội đại biểu Liên hiệp hữu nghị là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên hiệp hữu nghị, Đại hội được triệu tập 05 năm một lần. Đại hội được tổ chức khi có trên 2/3 tổng số đại biểu được triệu tập có mặt, các quyết định của Đại hội được thông qua khi được trên 1/2 số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

2. Đại hội có trách nhiệm: Thảo luận và thông qua báo cáo hoạt động của Liên hiệp hữu nghị trong nhiệm kỳ, phương hướng, nhiệm vụ của Liên hiệp hữu

nghị trong nhiệm kỳ tới; thảo luận và thông qua Điều lệ Liên hiệp hữu nghị (sửa đổi, bổ sung); thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Liên hiệp hữu nghị; bầu Ban Chấp hành, Ban kiểm tra; các nội dung khác nếu có; thông qua Nghị quyết Đại hội.

Trước khi tổ chức Đại hội, Liên hiệp hữu nghị có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam theo quy định.

### **Điều 15. Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị**

1. Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị là cơ quan lãnh đạo mọi hoạt động của Liên hiệp hữu nghị giữa hai kỳ Đại hội. Số lượng Ủy viên Ban chấp hành Liên hiệp hữu nghị do Đại hội quyết định, nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành:

a) Quyết định các chủ trương, biện pháp thực hiện Nghị quyết của Đại hội đề ra; xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm và kiểm điểm công tác hằng năm của Liên hiệp hữu nghị; ra các nghị quyết về hoạt động của Liên hiệp hữu nghị; tham gia các hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

b) Hướng dẫn các thành viên trong việc tham gia các chương trình hoạt động phù hợp với tôn chỉ, mục đích và nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Liên hiệp hữu nghị, đảm bảo tính thống nhất trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động chung của Liên hiệp hữu nghị.

c) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

d) Bầu và miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký, Ủy viên Ban Thường vụ, miễn nhiệm Ủy viên Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị. Trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội, Ban Chấp hành có quyền bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành nhưng không quá 1/3 so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định theo đề nghị của Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị; quyết định công nhận hoặc không công nhận tư cách tổ chức thành viên, kỷ luật đối với tổ chức thành viên và Ủy viên Ban Chấp hành.

d) Quyết định thành phần và số lượng đại biểu tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam do Ban Chấp hành Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam mời dự Đại hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp hữu nghị.

b) Các cuộc họp của Ban Chấp hành hợp lệ khi có trên 2/3 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành tham dự họp. Hình thức lấy ý kiến về các vấn đề đưa ra trong cuộc họp do Ban Chấp hành quyết định, có thể biểu quyết bằng giơ tay hoặc bỏ phiếu kín.

c) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên ý kiến của Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị.

## **Điều 16. Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị**

1. Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị, do Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị. Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và một số Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định nhưng số lượng không quá 1/3 số lượng Ủy viên Ban Chấp hành. Nhiệm kỳ Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên hiệp hữu nghị; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Liên hiệp hữu nghị giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Phân công công việc cho các Ủy viên Ban Chấp hành, quyết định chủ trương và biện pháp công tác của Liên hiệp hữu nghị, chỉ đạo Thư ký chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội và Hội nghị Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị.

c) Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ Liên hiệp hữu nghị và quy định của Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị.

d) Theo dõi, tổ chức công tác phát triển tổ chức thành viên.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị:

a) Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Liên hiệp hữu nghị.

b) Cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 2/3 tổng số Ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

c) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 tổng số Ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị.

## **Điều 17. Ban Kiểm tra Liên hiệp hữu nghị**

1. Ban Kiểm tra do Đại hội Liên hiệp hữu nghị bầu hoặc hiệp thương dân chủ đề cử gồm: Trưởng ban là Ủy viên Ban Thường vụ; số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, chấp hành Điều lệ Liên hiệp hữu nghị, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các Quy chế của Liên hiệp hữu nghị đối với các hội thành viên, tổ chức, đơn vị trực thuộc Liên hiệp hữu nghị.

b) Kiểm tra hoạt động kinh tế, tài chính của Liên hiệp hữu nghị và các hội thành viên.



c) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp trong Liên hiệp hữu nghị và các hội thành viên trong việc thực hiện Điều lệ này.

d) Xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có).

đ) Kiến nghị các hình thức khen thưởng và kỷ luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra

Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp hữu nghị.

4. Các Ủy viên Ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành.

### **Điều 18. Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị**

1. Chủ tịch là người đứng đầu Liên hiệp hữu nghị, là đại diện pháp nhân của Liên hiệp hữu nghị trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Liên hiệp hữu nghị. Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị do Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị, tiêu chuẩn Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị do Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị.

b) Chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Liên hiệp hữu nghị, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Liên hiệp hữu nghị, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị về mọi hoạt động của Liên hiệp hữu nghị. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Liên hiệp hữu nghị theo Điều lệ Liên hiệp hữu nghị; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ.

d) Thay mặt Ban Thường vụ, Ban Chấp hành ký các văn bản của Liên hiệp hữu nghị.

đ) Thay mặt Ban Thường vụ, Ban Chấp hành phối hợp thực hiện các hoạt động trong quan hệ đối nội, đối ngoại, là chủ tài khoản của Liên hiệp hữu nghị.

e) Khi Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị vắng mặt, việc chỉ đạo điều hành giải quyết công việc của Liên hiệp hữu nghị được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị.

### **Điều 19. Phó Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị**

Phó Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị do Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị do Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị quy định.

Phó Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị được Chủ tịch phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác cụ thể và giải quyết các vấn đề cụ thể, được ủy quyền điều hành công việc của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị khi Chủ tịch vắng mặt. Phó Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị thực hiện nhiệm vụ, quyền

hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị phù hợp với Điều lệ Liên hiệp hữu nghị và quy định của pháp luật.

### **Điều 20. Cơ quan thường trực Liên hiệp**

Cơ quan thường trực của Liên hiệp hữu nghị gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và các chuyên viên.

Cơ quan thường trực Liên hiệp hữu nghị có trách nhiệm giúp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ tổ chức mọi hoạt động của Liên hiệp hữu nghị.

### **Điều 21. Chế độ công tác của Liên hiệp**

#### 1. Chế độ hội họp

a) Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị tỉnh định kỳ 06 tháng họp một lần và có thể họp bất thường hoặc họp mở rộng theo đề nghị của Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị. Ban Thường vụ định kỳ họp 03 tháng một lần, có thể họp bất thường hoặc mở rộng theo triệu tập của Chủ tịch Liên hiệp hữu nghị. Ban Kiểm tra định kỳ 06 tháng họp một lần và có thể họp bất thường khi cần thiết.

b) Các tổ chức thành viên của Liên hiệp hữu nghị tỉnh tổ chức và thực hiện chế độ hội họp theo Điều lệ của tổ chức mình.

#### 2. Chế độ thông tin báo cáo

a) Định kỳ hằng tháng, quý, năm, Liên hiệp hữu nghị có trách nhiệm báo cáo hoạt động với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời thông tin về các hoạt động đối ngoại nhân dân với các tổ chức thành viên.

b) Các tổ chức thành viên của Liên hiệp hữu nghị định kỳ hằng tháng, quý, năm có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động của tổ chức mình với Liên hiệp hữu nghị và các cơ quan có liên quan; đồng thời thông tin về hoạt động đối ngoại nhân dân tới các hội viên.

#### 3. Mối quan hệ công tác

Liên hiệp hữu nghị chịu sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; chịu sự quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động của Sở Ngoại vụ và các sở, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật. Liên hiệp hữu nghị tỉnh có mối quan hệ song phương với Liên hiệp hữu nghị các tỉnh bạn và các sở, ban, ngành đoàn thể và các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

## **CHƯƠNG V**

### **CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP, HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ**

#### **Điều 22. Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất; đổi tên và giải thể**

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN**

### **Điều 23. Tài chính, tài sản của Liên hiệp hữu nghị**

1. Tài chính của Liên hiệp hữu nghị được hình thành từ các nguồn:
  - a) Được Nhà nước cấp kinh phí hoạt động hằng năm theo Quyết định số 41/2013/QĐ-TTg, ngày 15/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.
  - b) Các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
  - c) Các khoản thu hợp pháp khác.
2. Các khoản chi của Liên hiệp hữu nghị:
  - a) Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Liên hiệp hữu nghị;
  - b) Chi cho việc sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm phương tiện làm việc;
  - c) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Cơ quan Thường trực Liên hiệp hữu nghị;
  - d) Chi các khoản đã được nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và tài trợ nhân đạo trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;
  - e) Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

### 3. Tài sản của Liên hiệp hữu nghị

Tài sản của Liên hiệp hữu nghị bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Liên hiệp hữu nghị. Tài sản của Liên hiệp hữu nghị được hình thành từ nguồn kinh phí của Liên hiệp hữu nghị; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật hoặc được Nhà nước hỗ trợ.

### **Điều 24. Quản lý và sử dụng tài sản, tài chính của Liên hiệp hữu nghị**

1. Ban Thường vụ Liên hiệp hữu nghị chỉ đạo việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Liên hiệp hữu nghị để phục vụ cho hoạt động của Liên hiệp hữu nghị theo quy chế do Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị quy định.
2. Tài sản và tài chính của Liên hiệp hữu nghị được quản lý và sử dụng theo chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và quy chế quản lý tài chính của Liên hiệp hữu nghị.
3. Ban Chấp hành Liên hiệp ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên hiệp hữu nghị đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích của Liên hiệp hữu nghị.

## **Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

### **Điều 25. Khen thưởng**

1. Các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp vào việc thực hiện tôn chỉ, mục đích và các nhiệm vụ của Liên hiệp hữu nghị sẽ được Liên hiệp

hữu nghị biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng.

2. Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Liên hiệp hữu nghị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp hữu nghị.

#### **Điều 26. Kỷ luật**

1. Tổ chức thành viên vi phạm Điều lệ này, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật từ khiển trách đến khai trừ khỏi Liên hiệp hữu nghị.

2. Ban Chấp hành Liên hiệp hữu nghị quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Liên hiệp hữu nghị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên hiệp hữu nghị.

### **Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

Đại hội đại biểu Liên hiệp hữu nghị là cơ quan duy nhất có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên hiệp hữu nghị. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên hiệp hữu nghị phải được trên 1/2 số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

#### **Điều 28. Hiệu lực thi hành**

Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Liên hiệp hữu nghị gồm 08 chương, 28 Điều đã được Đại hội đại biểu Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Tuyên Quang lần thứ II, nhiệm kỳ 2019-2024 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Ban Chấp hành Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

---